

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

Bản án số: 482/2025/DS-PT

Ngày: 28 - 7 - 2025

V/v “Hợp đồng mua bán tài sản”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Tuyết Linh

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Đạt

Bà Nguyễn Ái Doan

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Loan- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 623/2024/TLPT-DS ngày 18 tháng 12 năm 2024 về tranh chấp “Hợp đồng mua bán tài sản”

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 226/2024/DS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 1 tỉnh Đồng Tháp) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 777/2024/QĐ-PT ngày 26 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1965 (Có mặt);

Địa chỉ: số A, ấp P, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang (N, ấp P, phường M, tỉnh Đồng Tháp).

Người đại diện theo ủy quyền: ông Lê Văn N1, sinh năm 1968 (Có mặt).

Địa chỉ: số F, Đ, phường B, thành phố M, tỉnh Tiền Giang (N, Đình Bộ L, phường M, tỉnh Đồng Tháp).

- Bị đơn:

1. Bà Nguyễn Thị Kim P, sinh năm 1973 (Vắng mặt)

Địa chỉ: số I, ấp T, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang (Nay số 927, ấp T, phường M, tỉnh Đồng Tháp).

Người đại diện theo ủy quyền của bà P: Ông Nguyễn Hoàng A; sinh năm 1981 (Có mặt);

Địa chỉ: 2, Đoàn Thị N2, phường E, thành phố M, tỉnh Tiền Giang (Nay 25/1, Đoàn Thị N2, phường Đ, tỉnh Đồng Tháp).

Địa chỉ liên lạc: Số D, L, phường E, thành phố M, tỉnh Tiền Giang (Nay S, L, phường Đ, tỉnh Đồng Tháp). (Văn bản ủy quyền ngày 22/4/2025).

2. Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1980 (Có mặt);

Địa chỉ: ấp T, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang (Nay ấp Tân Tỉnh A, phường M, tỉnh Đồng Tháp).

- *Người kháng cáo: Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim P.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị N và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Lê Văn N1 trình bày: Bà N có bán thức ăn gia súc cho bà Nguyễn Thị Kim P và bà Nguyễn Thị G. Việc mua bán giữa bà P, bà G kéo dài nhiều năm từ năm 2013 đến năm 2017. Đến ngày 20/5/2020 hai bên làm giấy xác định nợ như sau:

- Từ ngày 13/02/2013 đến ngày 16/6/2017 bà P và bà G nợ số tiền là: 6.972.294.000 đồng (sáu tỷ chín trăm bảy mươi hai triệu hai trăm chín mươi bốn ngàn đồng)

- Từ ngày 07/7/2019 đến ngày 24/4/2020 bà P và bà G trả cho bà N số tiền là: 2.732.000.000 đồng (hai tỷ bảy trăm ba mươi hai triệu đồng). Cấn trừ nợ qua công ty tổng số tiền bà P, bà G còn nợ bà N là: 4.240.294.000 đồng (bốn tỷ hai trăm bốn mươi triệu hai trăm chín mươi bốn ngàn đồng).

- Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/12/2022 bà P và bà G trả cho bà N số tiền là: 240.000.000 đồng (hai trăm bốn mươi triệu đồng).

Như vậy bà P và bà G còn nợ lại số tiền là: 4.000.294.000 đồng (bốn tỷ không trăm triệu hai trăm chín mươi bốn ngàn đồng).

Bà N nhiều lần đòi tiền nhưng bà P và bà G không trả nợ. Nay bà N yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau đây:

Yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang buộc bà Nguyễn Thị Kim P và bà Nguyễn Thị G trả số tiền: 4.000.294.000 đồng (bốn tỷ không trăm triệu hai trăm chín mươi bốn ngàn đồng) và lãi suất theo mức lãi suất 1%/ tháng từ ngày 01/01/2023 đến khi trả xong nợ.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Nguyễn Thị Kim P là chị Nguyễn Thị Hương T trình bày: Chị P không thống nhất với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì các lý do sau: Chị P là chủ của đại lý thức ăn chăn nuôi tại T2 có thuê chị N làm quản lý và đại diện chị P ký nhận các hóa đơn chứng từ có liên quan đến việc mua bán thức ăn, sau đó đến năm 2017 chị N không làm tiếp nên chị P thuê chị G thực hiện những công việc trước đây của chị N. Tại thời điểm nghỉ việc, chị N còn ký tên trong nhiều chứng từ mua bán thức ăn mà đại lý của chị P chưa thanh toán nên các bên thống nhất chị P chị G sẽ ký lại cho chị N giấy nợ ngày 20/5/2020 để làm tin, nếu chị P không trả cho công ty thì chị N trả hết cho công ty và yêu cầu chị P trả lại cho chị N. Thực tế, giấy nợ ngày 20/5/2020 chị P không ký tên, nhưng xác nhận có biết và thống nhất thỏa thuận như trên. Sau khi ký tờ giấy nợ trên phía chị P đã thanh toán toàn bộ số nợ cho các công ty bán thức ăn và có yêu cầu chị N hoàn lại giấy nợ ngày 20/5/2020 nhưng chị N chỉ giao lại bản photo giấy nợ, do tin tưởng nên chị P cũng không đòi lại bản chính.

- Ngoài ra, vào năm 2023 chị N có bán thửa đất tại Chợ Gạo cho chị P với giá 15 tỷ đồng, nếu trường hợp chị P còn thiếu nợ chị N thì sẽ không thể trả chị N số tiền mua đất là 15 tỷ đồng.

Bị đơn bà Nguyễn Thị G trình bày: Không thống nhất với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xác định khoản nợ trên là khoản nợ của công ty chị P nợ các công ty bán thức ăn, không phải nợ tiền mua thức ăn của chị N và số nợ trên không có liên quan đến bà.

Đến ngày 30/7/2024 bà G thống nhất số nợ với yêu cầu của nguyên đơn và xác nhận là khoản nợ riêng, do tự cá nhân ký tên, và ký tên thay cho bà P, bà đồng ý trả nhưng xin trả trong 03 đợt, mỗi đợt 06 tháng và đồng ý trả lãi suất theo mức lãi suất mà pháp luật quy định.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Lê Văn N1 là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ban đầu, căn cứ vào chứng từ thanh toán, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lời khai của những cá nhân có giao dịch mua bán thức ăn với chị N đều xác định, chị N có đại lý thức ăn gia súc và trong năm 2017 chị N còn mua bán thức ăn gia súc với ông Nguyễn Nhựt T1 là anh ruột của bà P, vụ án đã được Tòa án Mỹ Tho hòa giải thành, ông T1 đồng ý trả tiền cho bà N. Do đó, nguyên đơn không đồng ý với lời trình bày của bị đơn về việc bà N làm quản lý cho đại lý của bà P. Ngoài ra, vào thời điểm ký vào biên nhận nợ, chị G và chị P đều trực tiếp có mặt và ký tên, không phải do chị G ký tên thay cho chị P như chị G trình bày. Nay nguyên yêu cầu chị P và chị G cùng thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn

với số tiền vốn gốc là 4.000.294.000 đồng (bốn tỷ không trăm triệu hai trăm chín mươi bốn ngàn đồng) và lãi suất theo mức lãi suất 1%/ tháng từ ngày 01/01/2023 đến khi trả xong nợ với số tiền là 821.978.219 đồng.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Nguyễn Thị Kim P trình bày: Không thống nhất với lời trình bày của đại diện nguyên đơn, bà P hoàn toàn không có ký tên vào biên nhận nợ và bà G cũng thừa nhận sự việc trên nên bà P không đồng ý trả số tiền trên cho bà N. Bà P xác nhận có biết nội dung của Giấy nợ ngày 20/5/2020 nhưng số tiền còn nợ lại là số tiền mà đại lý thức ăn K còn nợ công ty cổ phần M chi nhánh T3 và hiện tại bà P đã thanh toán các khoản nợ đó cho công ty nên không đồng ý trả cho bà N. Đại diện hợp pháp của bà P xác định không yêu cầu giám định chữ ký của bà P, cũng như không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ gì khác.

Bị đơn bà Nguyễn Thị G thống nhất với trình bày của bà T là đại diện của bà P, bà G đồng ý trả toàn bộ số tiền trên cho bà N, nhưng xin trả trong 18 tháng.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 226/2024/DS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang áp dụng khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 126, 133, Điều 264, 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 74, 430, 431, 440, 357, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. *Xử:*

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N.

Buộc bà Nguyễn Thị Kim P và bà Nguyễn Thị G phải trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền 4.716.359.960 đồng (Bốn tỷ bảy trăm mười sáu triệu ba trăm năm mươi chín ngàn chín trăm sáu mươi đồng)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Không chấp nhận yêu cầu buộc bà Nguyễn Thị Kim P và bà Nguyễn Thị G phải trả số tiền lãi vượt lãi suất 0.83%/ tháng cho bà Nguyễn Thị N, với số tiền là 105.912.259 đồng.

3. Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định số 40/2024/QĐ-BPKCTT ngày 12 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành

phố Mỹ Tho về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời “Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ”.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024, bị đơn bà Nguyễn Thị Kim P có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm.

Ngày 15/01/2025, bà Nguyễn Thị Kim P có đơn đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm trưng cầu giám định chữ ký và chữ viết của bà tại giấy nợ ngày 20/5/2020.

oTại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật từ khi thụ lý phúc thẩm cho đến khi xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Xét thấy bà P kháng cáo nhưng không bổ sung thêm chứng cứ tài liệu gì mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà P, giữ nguyên án sơ thẩm.

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nội dung yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kim P, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật trong vụ án tranh chấp “Hợp đồng mua bán tài sản” là có căn cứ và phù hợp.

Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kim P làm trong hạn luật định và nộp tạm ứng án phí theo quy định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung vụ án: Theo bà Nguyễn Thị N trình bày, bà có đại lý thức ăn gia súc tên Nguyễn Thị N tại ấp T, xã T, thành phố M, bà Nguyễn Thị Kim P và Nguyễn Thị G nhiều lần mua thức ăn ở đại lý của bà đến ngày 20/5/2020 hai bên làm giấy xác nhận nợ với nội dung:

- Từ ngày 13/02/2013 đến ngày 16/6/2017 bà P và bà G có mua thức ăn nuôi heo và còn nợ bà N số tiền là 6.972.294.000đồng.

- Từ ngày 07/7/2019 đến ngày 24/4/2020 bà P và bà G trả cho bà N số tiền là 2.732.000.000đồng bằng hình thức cần nợ qua công ty tổng và bà P, bà G còn nợ lại số tiền là 4.240.294.000đồng. Bà P và bà G cam kết mỗi tháng trả 2% trên

tổng số tiền nợ cho đến khi hết nợ nhưng sau đó từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/12/2022 bà P và bà G trả cho bà N được số tiền là 240.000.000đồng, hiện còn nợ lại số tiền 4.000.294.000đồng. Bà N yêu cầu bà P và bà G trả số tiền 4.000.294.000đồng và yêu cầu tính lãi với lãi suất 1%/tháng từ ngày 01/01/2023 đến khi trả xong nợ. Bà Nguyễn Thị Kim P và bà Nguyễn Thị G cho rằng giấy nợ ngày 20/5/2020 là nợ cá nhân của bà G, bà P không ký tên vào giấy nợ mà do bà G ký tên thay cho bà P, bà G đồng ý trả theo yêu cầu của bà N nhưng xin trả làm 03 lần, mỗi lần 06 tháng và đồng ý trả lãi suất theo quy định của pháp luật.

Tòa án cấp sơ thẩm xử buộc bà P và G trả cho bà N số tiền là 4.000.294.000đồng và tiền lãi với lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày 01/01/2023 đến ngày 17/9/2024 với số tiền lãi là 716.065.960đồng, bà P không đồng ý nên có yêu cầu kháng cáo.

[3] Xét nội dung kháng cáo và yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kim P, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ để bà Nguyễn Thị N khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim P và bà Nguyễn Thị G trả số tiền 4.000.294.000đồng là “Giấy nợ” ngày 20/5/2020. Theo nội dung giấy nợ thể hiện từ ngày 13/02/2013 đến ngày 16/6/2017, bà Nguyễn Thị Kim P và bà Nguyễn Thị G có mua thức ăn chăn nuôi heo của bà Nguyễn Thị N và còn nợ lại số tiền là 6.972.294.000đồng. Từ ngày 07/7/2019 đến ngày 24/4/2020, bà P và bà G trả cho bà N được số tiền 2.732.000.000đồng bằng hình thức cản trừ nợ qua công ty tổng và còn nợ lại bà N số tiền là 4.240.294.000đồng. Bà P và bà G cam kết mỗi tháng trả cho bà N 2% trên tổng số tiền nợ cho đến khi hết nợ, nếu làm ăn thuận lợi hơn thì số tiền phải trả nợ tăng lên theo thỏa thuận của hai bên. Người viết cam kết ký tên và ghi họ tên là Nguyễn Thị Kim P và Nguyễn Thị G. Nội dung “Giấy nợ” được đánh máy, góc bên trái giấy nợ viết “Mỗi tháng trả 20.000.000 khi đã trả nợ công ty xong”, bà N cho rằng do bà P viết. Bà P không thừa nhận chữ ký trong giấy nợ là chữ ký của bà, bà G khai nhận bà là người ký tên của bà P thay cho bà P và bà đồng ý trả theo yêu cầu của bà N.

[3.1] Nhận thấy, tại biên bản đối chất ngày 28/8/2024 bà P khai nhận dòng chữ “Mỗi tháng trả 20.000.000 khi đã trả nợ công ty xong” là do bà viết nhưng cho rằng chữ ký trong “Giấy nợ” ngày 20/5/2020 không phải là chữ ký của bà. Tuy nhiên tại Kết luận giám định số 191/KL-KTHS ngày 03/6/2025 của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh có nội dung:

- Mẫu cần giám định: “Giấy nợ” đề ngày 20 tháng 5 năm 2020 (ký hiệu A).

- Mẫu so sánh:
- + “Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất”, đề ngày 19/4/2016 (ký hiệu M1).
- + “Bản tự khai”, đề ngày 02/7/2024 (ký hiệu M2)
- + “Bản tự khai”, đề ngày 15-01-2025 (ký hiệu M3).
- + “Đơn xin chuyển mục đích sử dụng đất”, đề ngày 26 tháng 6 năm 2020 (ký hiệu M4).
- + “Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất”, đề ngày 25/01/2016 (ký hiệu M5).

Kết luận: - Chữ ký đứng tên Nguyễn Thị Kim P, chữ viết nội dung: “Mỗi tháng trả 20.000.000 khi đã trả nợ công ty xong” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký, chữ viết đứng tên Nguyễn Thị Kim P dùng làm mẫu so sánh trên tài liệu cần giám định ký hiệu từ M1 đến M3, M5 là do cùng một người ký, viết ra.

- Không đủ cơ sở kết luận chữ ký đứng tên Nguyễn Thị Kim P, chữ viết nội dung “Mỗi tháng trả 20.000.000 khi đã trả nợ công ty xong” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký, chữ viết đứng tên Nguyễn Thị Kim P trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M4 là phải hay không phải do cùng một người ký, viết ra.

[3.2] Như vậy từ kết luận giám định nêu trên đã có đủ cơ sở để kết luận chữ viết nội dung: “Mỗi tháng trả 20.000.000 khi đã trả nợ công ty xong” và chữ ký dưới tên Nguyễn Thị Kim P tại mục “Người viết cam kết” trong “Giấy nợ” ngày 20/5/2020 là do bà Nguyễn Thị Kim P ký và viết ra, bà P không thừa nhận chữ viết và chữ ký của bà nhưng không có chứng cứ gì để chứng minh cho lời trình bày của mình mà đây chỉ là lời khai nại, Hội đồng xét xử không chấp nhận lời trình bày này của bà P và nhận định đến ngày 20/5/2020 bà P và bà G còn nợ bà N số tiền là 4.240.294.000đồng theo giấy nợ ngày 20/5/2020.

[3.3] Theo trình bày của bà N, từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/12/2022 bà P và bà G đã trả cho bà được số tiền là 240.000.000đồng, hiện còn nợ lại số tiền 4.000.294.000đồng, bà yêu cầu bà P, bà G có nghĩa vụ trả. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu này của bà N là có căn cứ và phù hợp.

[3.4] Về yêu cầu tính lãi: Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần đối với yêu cầu tính lãi của bà N là tính lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ đối với số tiền 4.000.294.000đồng từ ngày 01/01/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 0,83%/tháng là có căn cứ và hoàn toàn phù hợp.

Từ những phân tích và nhận định nêu trên xét thấy yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kim P là không có căn cứ, Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[4] Về chi phí giám định: Bà Nguyễn Thị Kim P phải chịu toàn bộ chi phí giám định, bà P đã nộp xong vì vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kim P phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 430, Điều 440, Điều 357, Điều 468 và Điều 288 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kim P. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 226/2024/DS-ST ngày 20/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang. (Nay là Tòa án nhân dân Khu vực 1 tỉnh Đồng Tháp).

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N.

Buộc bà Nguyễn Thị Kim P và bà Nguyễn Thị G có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền 4.716.359.960 đồng (Bốn tỷ bảy trăm mười sáu triệu ba trăm năm mươi chín ngàn chín trăm sáu mươi đồng).

3. Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị N yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim P và bà Nguyễn Thị G trả số tiền lãi vượt mức lãi suất 0,83%/tháng với số tiền là 105.912.259 đồng.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kim P và bà Nguyễn Thị G phải chịu 112.716.500 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị Kim P phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, bà P đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0006797 ngày 09/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang xem như nộp xong án phí phúc thẩm.

Bà Nguyễn Thị N phải chịu 5.295.500 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, bà N đã nộp 56.296.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005992 ngày 15/4/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền

Giang (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 1 tỉnh Đồng Tháp) nên hoàn lại cho bà N số tiền là 51.000.500đồng.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị N yêu cầu thi hành án, nếu bà Nguyễn Thị Kim P và bà Nguyễn Thị G chậm thi hành khoản tiền trên thì còn phải chịu thêm khoản lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án, lãi suất phát sinh do chậm thi hành án được thực hiện theo quy định tại khoản 2 điều 357 Bộ luật dân sự.

5. Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định số 40/2024/QĐ-BPKCTT ngày 12 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời “Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ”.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự; thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa Phúc thẩm - TANDTC tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND Khu vực 1 tỉnh Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Tuyết Linh